

**BÁO CÁO**

**Công khai số liệu thuyết minh tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách nhà nước Quý IV năm 2020**

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình “ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020”

Phòng công chứng số 1 báo cáo như sau:

**I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý IV /2020**

1. Nội dung công khai

Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2020 theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai trên Website của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình (sotuphap.ninhbinh.gov.vn); Trụ sở làm việc của đơn vị .

3. Thời điểm công khai: Ngày 29/1/2021

**II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2020**

**1. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách:**

a, Thu phí công chứng: 533.780.000đ đạt 0,26% so với dự toán giao và đạt 1,77% so với cùng kỳ năm 2019

b, Nộp ngân sách NN: 266.890.000đ đạt 0,26% so với dự toán giao và đạt 1,77% so với cùng kỳ năm 2019

c, Chi: 203.235.875đ đạt 0,42% so với dự toán

**2. Dự toán chi ngân sách nhà nước**

a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2020: 1.125.100.000đ

- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý IV/2020: 268.667.167 đạt 0,56% so với dự toán giao và đạt 2,00% so với cùng kỳ năm 2019

b. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2020: 79.000.000đ (trong đó đầu năm cấp: 56.000.000đ và năm 2019 chuyển sang: 23.000.000đ)

- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý IV/2020: 27.000.000đ

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, phí công chứng quý IV năm 2020 của Phòng công chứng số 1 tỉnh Ninh Bình./.

**Nơi nhận:**

- Website STP;

- Lưu KT, VT

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**TRƯỞNG PHÒNG  
LẠI THỊ ÁNH DƯƠNG**

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Phòng công chứng số 1

Chương: 414

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4**

**NĂM 2020**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán ĐC trong năm	Thực hiện quý 4	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	966.239.000	533.780.000	0,55%	0,97%
1.1	Lệ phí				
-	Phí công chứng	966.239.000	533.780.000	0,55%	0,97%
2	Nguồn thu phí được để lại để chi:	483.119.500	266.890.000	0,55%	0,97%
+	Nguồn phí năm 2019 chuyển sang	338.484.000			
+	Nguồn phí năm nay	483.119.500	266.780.000	0,55%	0,97%
2.1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	483.119.500	203.235.875	0,42%	0,97%
-	Tiền lương	193.000.000	48.227.575	0,24%	52%
-	Chi phúc lợi	46.000.000			
-	Thanh toán dịch vụ công	6.000.000	594.300	0,09%	0,09%
-	Văn phòng phẩm	8.872.000	4.669.000	1,04%	0,44%
-	Vật tư Văn phòng	3.000.000			
-	Tên biển trụ sở	18.000.000	17.515.000	0,97%	
-	Sửa chữa tài sản	18.000.000	12.030.000	0,66%	1,52%
-	Chi phí nghiệp vụ cm	26.000.000	18.000.000	1,12%	1,28%
-	Công tác phí	44.700.000	24.750.000	0,55%	0,73%
-	Chi tiếp khách	24.800.000	10.200.000	0,41%	1,13%
-	Chi thuê nhà	60.000.000	60.000.000	1%	

-	Chi các khoản khác	34.747.500	7.250.000	0,20%	
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí nộp NSNN	<b>483.119.500</b>	<b>266.780.000</b>	0,55%	0,97%
3.1	Phí	483.119.500	266.780.000	0,55%	0,97%
	Phí công chứng	483.119.500	266.780.000	0,55%	0,97%
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	<b>1.125.100.000</b>	<b>295.667.167</b>	0,26%	1,00%
I	Chi quản lý hành chính	<b>1.046.100.000</b>	<b>295.667.167</b>	0,28%	1,00%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	475.000.000	<b>268.667.167</b>	0,56%	1,11%
-	Chi tiền lương	475.000.000	98.259.230	0,20%	2,37%
-	Chi phụ cấp chức vụ	25.000.000	.4.376.120	0,17%	1,60%
-	Chi phụ cấp làm thêm giờ	175.000.000	38.584.000	0,22%	1%
-	Chi phụ cấp trách nhiệm nghề	52.000.000	8.497.472	0,16%	1,05%
-	Phụ cấp khác	4.000.000			
-	Các khoản khác	11.100.000			
-	BHXH	111.700.000	25.817.561	0,23%	1,17%
-	Chi BHYT	19.100.000	4.406.593	0,23%	2,32%
-	Chi KPCĐ	12.800.000	2.938.000	0,22%	
-	Chi BHTN	5.000.000	933.681	0,18%	2,26%
-	Chi tiền điện	6.000.000	1.443.600	0,24%	1,1%
-	Tiền nước	2.000.000			
-	Chi văn phòng phẩm	7.500.000	7.806.000	1,04%	1,3%
-	Chi mua vật tư VP	4.100.000	3.720.000	0,9%	
-	Chi tiền cước điện thoại	1.800.000	100.500	0,04%	0,39%
-	Chi tiền cước inetret	800.000	385.000	0,48%	0,1%
-	Tiền vé máy bay, tàu xe	1.800.000			

-	Phụ cấp công tác phí	3.000.000			
-	Tiền thuê phòng ngủ	4.250.000			
-	Chi công tác phí	25.200.000	7.800.000	0,30%	0,6%
-	Các thiết bị công nghệ thông tin	5.000.000	5.340.000	1,06%	1,6%
-	Sửa chữa TS và thiết bị VP	9.000.000	8.970.000	0,9%	1,7%
-	Chi phí hđ nghiệp vụ cm	13.000.000	13.300.000	1,02%	1,6%
-	Chi tiếp khách	18.000.000	17.400.000	0,96%	1,7%
-	Chi mua BHTNN cho công chứng viên	20.000.000			
-	Chi các khoản khác	19.000.000	18.200.000	0,95%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	<b>79.000.000</b>	<b>27.000.000</b>	0,34%	1,1%
-	Tiền bảo vệ	36.000.000	9.000.000	0,25%	1%
-	Mua phí bảo trì phần mềm công nghệ TT	2.000.000			
-	Mua sắm công cụ dụng cụ VP	18.000.000	18.000.000	1%	
-	Mua máy vi tính	23.000.000			

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Người lập

*[Handwritten signature]*

*Trương Thị Hiền*



**TRƯỞNG PHÒNG  
LẠI THỊ ÁNH DƯƠNG**